

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/DS-ST
Ngày: 30-9-2022
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Phước Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tùng;
2. Ông Lê Thành Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐST-DS ngày 14/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1978 (có mặt)

Trú tại: Ấp BT, xã LH, huyện BB, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1986; trú tại: Khu phố 5, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 01/12/2020) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 3, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Trần Nguyễn Thị H1oài P, sinh năm 1997; địa chỉ liên hệ: Số 452, đường MP, Phường x, Quận y, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 13/6/2022) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Thái Tùng T

- Luật sư của Văn phòng Luật sư ĐG, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công T1, sinh năm 1949

Địa chỉ: Số 186/9 đường Nguyễn Văn Tiết, tổ 81, khu phố 12, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn B1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 3, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 269, đường HCG, khu phố 7, phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1952

Địa chỉ: Ấp PN, xã PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

5. Bà Trần Thị Thúy K, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 355, đường NĐT, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương.

6. Bà Nguyễn Thị Hồng P1, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố 4, phường Thới Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông B2, ông B1, bà K, ông N và bà P1: Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1986; địa chỉ: Khu phố 5, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 05/12/2020) (có mặt).

7. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 3, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

8. Ông Nguyễn Thanh P2, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 9, khu phố 3, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

9. UBND phường Tân Định, thị xã Bến Cát (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trụ sở: Khu phố 3, phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Bùi Văn C – chức vụ: Chủ tịch

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H và người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn B0 (chết năm 1985, không có giấy chứng tử) và bà Nguyễn Thị T0 (chết năm 2019) chung sống với nhau và có tất cả 08 người con gồm: Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B3 (liệt sĩ, chết năm 1981, có vợ tên Trần Thị Thúy K, con tên Nguyễn Thị Thúy H – nguyên đơn), Nguyễn Văn B2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thanh P2, Nguyễn Thị Hồng P1, Nguyễn Công T1, Nguyễn Văn B (bị đơn).

Lúc còn sống, ông B0 và bà T0 tạo lập được khối tài sản chung là:

- Quyền sử dụng đất số phát hành AM 335398, số vào sổ H 03743 do UBND huyện Bến Cát cấp cho bà Nguyễn Thị T0 vào ngày 29/4/2008 với 19 thửa đất, thuộc tờ bản đồ số 17, diện tích 8.832m² tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (đã được phân chia thừa kế xong theo Quyết định số 58/2020/QĐST-DS ngày 23/9/2020 của TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương). Nguyên đơn không tranh chấp phần này.

- Quyền sử dụng đất số phát hành AM 555615, số vào sổ H 03742 do UBND huyện Bến Cát cấp cho bà Nguyễn Thị T0 vào ngày 29/4/2008 với thửa số 581, thuộc tờ bản đồ số 17, diện tích 392,5m² tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa do UBND huyện Bến Cát cấp cho bà Nguyễn Thị T0 và 01 căn nhà của ông Nguyễn Văn B xây dựng. Sau khi bà T0 chết thì ông B không đồng ý chia thừa kế với lý do bà T0 đã giao cho ông B thửa đất nêu trên thông qua Bảng di chúc lập ngày 01/9/2011. Nguyên đơn cho rằng Bảng di chúc này không hợp pháp.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia toàn bộ thửa số 581, thuộc tờ bản đồ số 17 trên thành 08 phần bằng nhau, và nguyên đơn xin được nhận phần di sản bằng quyền sử dụng đất (hiện vật).

** Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến và yêu cầu khởi kiện. Nguyên đơn đề nghị được nhận hiện vật và đồng ý hoàn lại giá trị đối với các tài sản, công trình do ông B xây cất trên phạm vi đất được chia thừa kế. Nguyên đơn đồng ý với kết quả đo đạc, thẩm định và định giá tài sản. Nguyên đơn không yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp. Đối với căn nhà tình nghĩa trên đất, nếu nguyên đơn được giao quản lý thì nguyên đơn đồng ý tiếp tục quản lý, sử dụng và thờ cúng tổ tiên theo nội dung của Quyết định số 292/QĐ-UB ngày 04/8/2000 của UBND huyện Bến Cát. Đề nghị HĐXX căn cứ theo diện tích đo đạc thực tế để giải quyết vụ án.

2. Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn B và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Về quan hệ huyết thống, bị đơn thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn.

Phần đất có tranh chấp không phải là tài sản chung của bà T0 và ông B0, vì năm 2008 thì bà T0 và các con đã phân chia xong. Theo đó, toàn bộ phần đất tranh chấp (thửa số 581, thuộc tờ bản đồ số 17 tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát) đã được chia cho bà T0.

Sau đó, bà T0 đã tự nguyện lập Bảng di chúc vào ngày 01/9/2011 tại UBND xã Tân Định, với nội dung định đoạt, giao cho ông Nguyễn Văn B được quyền sử dụng thửa đất có tranh chấp. Ông B cũng được bà T0 giao căn nhà tình nghĩa trên đất để dùng vào việc thờ cúng ông bà, tổ tiên. Ông B có bỏ tiền ra xây dựng thêm 02 căn nhà: 01 căn nhà ông dùng để ở (bên hông nhà tình nghĩa) 01 căn nhà ông xây cho bà T0 ở khi còn sống (nằm phía trước nhà tình nghĩa). Khi ông B tiến hành xây cất các công trình trên thì các anh em đều biết rõ và không ai có ý kiến phản đối.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì bị đơn có đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thửa đất này không phải là di sản. Bảng di chúc lập ngày 01/9/2011 tại UBND xã Tân Định là hoàn toàn hợp pháp. Đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn.

** Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn B và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:*

Bị đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trước đây. Bị đơn đồng ý với kết quả đo đạc, thẩm định và định giá tài sản. Bị đơn không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Bảng di chúc được lập là hợp pháp. Bị đơn có công sức trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc bà T0 trước khi mất. Phần đất có tranh chấp là tài sản riêng của bà T0, không phải là tài sản chung của bà T0 và ông B0. Đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà là vợ bị đơn ông Nguyễn Văn B. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà hoàn toàn đồng ý với ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn B. Bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày. Đề nghị HĐXX xem xét bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho vợ chồng bà.

3.2. Ông Nguyễn Đình K (là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Hồng P1, ông Nguyễn Văn B2, ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Văn B1 và Bà Trần Thị Thúy K) trình bày:

Thống nhất về quan hệ huyết thống như nguyên đơn trình bày.

Hiện tại, bà Nguyễn Thị T0 và ông Nguyễn Văn B0 chết và di sản chưa chia, nên bà Nguyễn Thị Thúy H (là cháu nội) khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà T0 và ông B0 thì tất cả các con (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) đều

đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và mỗi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin được nhận một phần di sản bằng 1/8 như nguyên đơn yêu cầu.

Quá trình tố tụng, các ông, bà: Phong, Bon, Nén, Kiều (mẹ của bà H) và Phương tự nguyện giao kỷ phần của mình cho bà H (theo Văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt đề ngày 23/9/2022). Tại phiên tòa, ông Khiêm với tư cách đại diện ủy quyền của các ông bà nêu trên giữ nguyên ý kiến này.

Riêng ông Nguyễn Văn B2 do ông Khiêm đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa có đề nghị HĐXX xem xét chia thừa kế tài sản cho ông B2.

3.3. Ông Nguyễn Công T1 trình bày:

Ông thống nhất như ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông tự nguyện giao kỷ phần của mình cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H được hưởng (theo Văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt đề ngày 23/9/2022).

3.4. Ông Nguyễn Thanh P2 trình bày:

Ông thống nhất như ý kiến và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông tự nguyện giao kỷ phần của mình cho bà Nguyễn Thị Thúy H được hưởng (theo Văn bản trình bày ý kiến và xin vắng mặt đề ngày 23/9/2022).

3.4. UBND phường Tân Định (do người đại diện hợp pháp) trình bày:

Theo ghi nhận ý kiến của ông Trần Văn Trèo nguyên là công chức tư pháp – hộ tịch là người tiếp nhận, thụ lý hồ sơ của bà Nguyễn Thị T0, quy trình thực hiện chứng thực chữ ký/điểm chỉ trong Bảng di chúc được thực hiện đúng theo Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Khi yêu cầu chứng thực bảng di chúc bà T0 có giấy khám sức khỏe tốt; lúc đó bà vẫn còn minh mẫn, tự nguyện và có đủ năng lực hành vi dân sự, và thực hiện đúng quy định pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; căn cứ khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký/ điểm chỉ khi người dân thực hiện yêu cầu chứng thực chữ ký/ điểm chỉ phải ký/ điểm chỉ trước mặt người thực hiện chứng thực chữ ký/ điểm chỉ, không quy định phải ký/ điểm chỉ từng trang, cụ thể là bà Nguyễn Thị T0 điểm chỉ trước mặt ông Trần Văn Trèo tại phần cuối của nội dung Bảng di chúc (trang thứ 2), vì vậy tờ thứ 1 của Bảng di chúc không có dấu điểm chỉ của bà T0. Tại lời chứng của Chủ tịch/ phó chủ tịch xã Tân Định (trang thứ 3) có ghi “di chúc này được lập thành 02 bản chính (mỗi bản chính gồm 03 tờ, 03 trang)...” và được UBND xã Tân Định đóng giáp lai đúng quy định.

Qua làm việc với cán bộ phụ trách công tác Tư pháp – hộ tịch thời điểm tiếp nhận hồ sơ của bà Nguyễn Thị T0, cụ thể là ông Trần Văn Tr cho biết do thời gian lâu nên ông không nhớ rõ bà Nguyễn Thị T0 thời điểm đó có biết đọc biết viết hay không.

Lời chứng của Chủ tịch/ phó chủ tịch UBND xã Tân Định (tờ thứ 3) ghi nhận nội dung sau: “... đã ký tên vào di chúc trước sự có mặt của tôi”. Ông Trần Văn Trèo sau khi kiểm tra tính pháp lý của Bảng di chúc thì ông Trèo cho bà T0 lần tay vào trang thứ 2 của Bảng di chúc, sau đó lập lời chứng (trang thứ 3) và trình cho ông Nguyễn Văn C – Chủ tịch UBND xã ký. Do quá trình lập lời chứng ông Trần Văn Tr đã sơ sót không sửa lời chứng từ “*ký tên thành điểm chỉ*” mà để nguyên là ký tên trong khi bà T0 điểm chỉ.

Ý kiến của UBND phường đối với đơn khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến yêu cầu tuyên di chúc được UBND xã Tân Định chứng thực là vô hiệu: Thời điểm tiếp nhận hồ sơ của bà Nguyễn Thị T0 thực hiện theo Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18/5/2007 của Chính phủ. Theo ghi nhận ý kiến của ông Trần Văn Trèo (nguyên là công chức Tư pháp – Hộ tịch là người tiếp nhận, thụ lý hồ sơ của bà Nguyễn Thị T0 khi yêu cầu chứng thực bảng di chúc bà T0 có giấy khám sức khỏe tốt. lúc đó bà T0 vẫn còn minh mẫn, tự nguyện và có đủ năng lực hành vi dân sự. Các hồ sơ giấy tờ mà bà T0 kèm theo bảng di chúc là hoàn toàn hợp pháp. UBND xã thực hiện chứng thực nội dung di chúc của bà T0 là đúng quy định.

Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ lưu trữ năm 2011 tại UBND phường không còn lưu hồ sơ lập Bảng di chúc của bà Nguyễn Thị T0, chỉ còn sổ lưu hồ sơ.

UBND phường Tân Định cũng có ý kiến xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa, Luật sư Ngô Thái Tùng T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:*

Bảng di chúc được lập ngày 01/9/2011 tại UBND xã Tân Định là hợp pháp, khách quan. Đất là tài sản riêng của bà T0, không phải là tài sản chung của bà T0 và ông B0. Do thừa đất có tranh chấp không phải là di sản, nên đề nghị HĐXX xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trường hợp HĐXX xác định di chúc trên là không hợp pháp và tiến hành chia thừa kế theo quy định pháp luật, thì đề nghị xem xét trích một phần công sức cho ông B, vì ông B có nhiều công sức trong việc phụng dưỡng, chăm sóc bà T0 trước khi chết.

** Kiểm sát viên đại diện VKSND thị xã Bến Cát phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Xét Bảng di chúc lập ngày 01/9/2011 tại UBND xã Tân Định đã bị vô hiệu do cụ T0 không biết chữ, nhưng di chúc lại không có người làm chứng.

Trên đất tranh chấp có 01 căn nhà tình nghĩa do UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp cho bà Nguyễn Thị T0 vào năm 2000, nhưng Tòa án không đưa UBND thị xã Bến Cát vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

Chưa làm rõ nguồn gốc của thửa đất bà T0 được cấp vào năm 2008 để xác định đây là tài sản riêng của bà T0 hay là tài sản chung của bà T0 và ông B0; trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà T0 vào năm 2008 có chữ ký, chữ viết của bà T0, trong khi các đương sự lại thừa nhận là bà T0 không biết chữ; đồng thời, nguồn gốc sử dụng đất ghi là đổi sổ từ GCN/QSDĐ số 0144 nhưng không rõ sổ cũ này được cấp vào năm nào.

Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để đưa UBND thị xã Bến Cát vào tham gia tố tụng và làm rõ các vấn đề nêu trên. Do vậy, về nội dung giải quyết vụ án thì đại diện Viện kiểm sát không nêu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp thừa kế tài sản. Đất tranh chấp tọa lạc tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Như vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp với bị đơn, yêu cầu tuyên bố Bảng di chúc lập ngày 01/9/2011 tại UBND xã (nay là phường) Tân Định vô hiệu, yêu cầu chia thừa kế tài sản theo pháp luật đối với diện tích 392,5m² (đo đạc thực tế là 408,9m²) thuộc thửa đất số 581, tờ bản đồ số 17, được UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị T0, với số phát hành AM 555615, sổ vào sổ H03742 vào ngày 29/4/2008. Đất tọa lạc phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Nguyên đơn không tranh chấp các công trình, cây trồng và các tài sản khác trên thửa đất này. Trường hợp được giao đất khi chia thừa kế thì nguyên đơn đồng ý hoàn lại giá trị các tài sản do bị đơn xây cất.

Bị đơn không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng bị đơn đã được bà T0 lập Bảng di chúc tặng cho hợp pháp thửa đất trên, nên không đồng ý trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài căn nhà tình nghĩa thì các công trình còn lại trên đất đều do bị đơn bỏ tiền ra xây cất. Thời

điểm bà T0 còn sống thì bị đơn đã có công chăm sóc, phụng dưỡng, xây cất nhà phía trước cho bà T0 ở, nên đề nghị HĐXX xem xét nội dung này.

Xét về quan hệ huyết thống, các đương sự trong vụ án thống nhất như sau:

Bà Nguyễn Thị T0 (chết ngày 08/01/2019) và ông Nguyễn Văn B0 (chết năm 1985) có 08 người con chung gồm: Nguyễn Công T1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B3 (liệt sỹ, có vợ tên Trần Thị Thúy K và có 01 con là Nguyễn Thị Thúy H), Nguyễn Văn B2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thanh P2 và Nguyễn Thị Hồng P1. Ngoài ra, ông B0 và bà T0 không có người con riêng hoặc con nuôi hợp pháp nào khác.

Về nguồn gốc của thửa đất có tranh chấp, HĐXX thấy rằng: Cụ B0 chết năm 1985, cụ T0 tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có tranh chấp. UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị T0 theo Giấy chứng nhận số AM 555615 vào ngày 29/4/2008 với diện tích là 392,5m² (trong đó: 354,5m² ONT và 38m² HLATĐB), theo đo đạc thực tế là 408,9m² (trong đó: 354,5m² ODT và 76,7m² HLATĐB). Việc cấp GCNQSDĐ này là trên cơ sở cấp đổi Giấy chứng nhận số 144/GCN-SB (hồ sơ cấp GCN không nêu rõ thời gian).

Tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất thừa nhận bà T0 không biết chữ, các giấy tờ liên quan trong hồ sơ cấp GCNQSDĐ không phải do bà T0 ký, mà do người khác ký thay (không rõ người ký thay là ai), nhưng vào thời điểm trên thì các con cháu đều biết bà T0 tiến hành thủ tục đổi sổ và xin cấp lại GCNQSDĐ mang tên bà T0. Thời điểm bà T0 được cấp GCNQSDĐ thì các con cụ T0 đều đồng ý và không ai có ý kiến tranh chấp. Như vậy, có đủ căn cứ xác định đây là tài sản riêng của bà T0 mà không phải là tài sản chung của bà T0 và ông B0. Việc trong hồ sơ cấp đất có sai sót nhưng không làm thay đổi bản chất sự việc. Bà T0 vẫn là chủ sử dụng đất hợp pháp đối với thửa đất nêu trên.

Xét nội dung của Bảng di chúc lập ngày 01/9/2011, HĐXX thấy rằng Bảng di chúc này được cụ Nguyễn Thị T0 lập có 03 trang. Trang thứ 1 và trang thứ 2 ghi nội dung định đoạt của cụ T0, còn trang thứ 3 ghi nội dung chứng thực của UBND xã Tân Định. Tuy nhiên, cụ T0 chỉ điểm chỉ vào trang thứ 2, còn trang thứ 1 thì không ký tên và cũng không điểm chỉ.

Đối chiếu với quy định tại Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 của Bộ Tư pháp quy định: *“trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký được do khuyết tật hoặc không biết ký thì việc chứng thực chữ ký được thay thế bằng chứng thực điểm chỉ”*. Nhưng qua nội dung trả lời của UBND phường Tân Định tại Công văn số 380/UBND-TP ngày 08/9/2022 thì Ủy ban không xác định rõ vào thời điểm chứng thực di chúc thì bà T0 có biết chữ hay không mà lại chấp nhận cho cụ T0 điểm chỉ vào trang 2 của Bảng di chúc là chưa đúng quy định pháp luật. Xét tại nội dung chứng thực tại trang 3 thì lời chứng lại ghi là bà T0 đã ký tên nhưng trên thực tế lại là điểm chỉ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định *“Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản*

và có công chứng hoặc chứng thực”, nhưng Bảng di chúc này lại không có người làm chứng.

Ngoài ra, việc bà T0 không thực hiện việc điểm chỉ tại trang thứ 1 của Bảng di chúc dẫn đến không có cơ sở xác định trang thứ 1 của Bảng di chúc có phải là ý chí thực tế của cụ T0 hay không. Việc này là trái với quy định tại khoản 2 Điều 653 Bộ luật Dân sự năm 2005: “... Nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc”.

Về nội dung tại trang thứ 1 của Bảng di chúc ghi sai số thửa đất tại mục “đất dùng để ở” là thửa 580, tờ bản đồ số 17 trong khi GCNQSDĐ bà T0 được cấp là thửa số 581, tờ bản đồ số 17.

Như vậy, từ các phân tích nêu trên, có đủ căn cứ xác định Bảng di chúc lập ngày 01/9/2011 tại UBND xã Tân Định của bà T0 đã bị vô hiệu. Do vậy, thửa đất có tranh chấp là di sản của bà T0 sẽ được chia đều thành 08 phần cho hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông, bà: Nguyễn Công T1, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị Thúy H (người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn B3, Liệt sĩ), Nguyễn Văn B2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thanh P2 và Nguyễn Thị Hồng P1.

Biên bản định giá tài sản ngày 08/4/2021, Hội đồng định giá tài sản xác định như sau: $354,5\text{m}^2$ đất ở đô thị x 4.550.000 đồng = 1.612.975.000 đồng; $54,4\text{m}^2$ đất HLATĐB x 292.000 đồng = 15.884.800 đồng. Tổng cộng, giá trị thửa đất có tranh chấp là: 1.612.975.000 đồng + 15.884.800 đồng = 1.628.859.800 đồng.

Tuy nhiên, xét ông B có công sức nuôi dưỡng, chăm sóc bà T0 trước khi chết, nên HĐXX xem xét trích cho ông B 20% công sức trước khi chia thừa kế theo pháp luật, tương đương là: 1.628.859.800 đồng x 20% = 325.771.960 đồng.

Như vậy, phần di sản của cụ T0 sẽ được chia đều làm 08 kỷ phần cho các ông, bà nêu trên sau khi trừ đi công sức của ông B, mỗi người được nhận giá trị tương đương là: $[1.628.859.800 \text{ đồng} - 325.771.960 \text{ đồng}] : 8 = 162.885.980 \text{ đồng}$.

Tuy nhiên, các ông, bà: T1, P2, B1, N và P1 tự nguyện giao kỷ phần của mình cho bà H. Xét đây là ý chí tự nguyện của các ông, bà trên nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

Như vậy, ông B và ông B2 mỗi người được nhận kỷ phần thừa kế với giá trị tương đương là: 162.885.980 đồng. Riêng bà H được nhận kỷ phần thừa kế tổng cộng là: $162.885.980 \text{ đồng} \times 6 = 977.315.880 \text{ đồng}$.

Đối với các tài sản, công trình trên thửa đất thì các đương sự đều thống nhất chỉ có căn nhà tình nghĩa là của bà T0 (được UBND huyện Bến Cát tặng cho), còn lại là các công trình do ông B xây cất, thống nhất không tranh chấp, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với 01 căn nhà tình nghĩa trên đất do UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát cấp cho bà Nguyễn Thị T0 tại Quyết định số 292/QĐ-UB ngày 04/8/2000. Xét căn nhà tình nghĩa theo nội dung Quyết định này có diện tích là $31,5\text{m}^2$ (qua đo đạc thực tế là $31,1\text{m}^2$). Do vậy, bà Nguyễn Thị Thúy H (cháu nội của cụ Nguyễn Thị T0) được quyền sử dụng phần đất được chia và được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà này theo nội dung của Quyết định nêu trên. Ngoài ra, các đương sự trong vụ án không tranh chấp gì đối với căn nhà tình nghĩa này và đều thống nhất xác định căn nhà này chỉ được dùng vào mục đích làm nơi thờ cúng tổ tiên. Như vậy, quyền lợi của UBND thị xã Bến Cát không bị ảnh hưởng, nên HĐXX xét thấy không cần thiết phải đưa UBND thị xã Bến Cát vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Ngoài ra, trên phần đất bà H được chia có các tài sản do ông B xây dựng gồm: 01 nhà cấp 4 phía trước nhà tình nghĩa có diện tích $24,2\text{m}^2$ (đơn giá $3.450.000$ đồng/ m^2) (tương đương giá trị là $83.490.000$ đồng); sân xi măng có diện tích 6m^2 (đơn giá 140.000 đồng/ m^2), tương đương giá trị là 840.000 đồng; hàng rào lưới B40 phía trước khu đất có diện tích $7,26\text{m}^2$ ($4,84\text{m}$ chiều ngang x $1,5\text{m}$ chiều cao) (đơn giá 210.000 đồng/ m^2), tương đương giá trị là $1.524.600$ đồng. Tổng cộng 03 tài sản này có giá trị là: $83.490.000$ đồng + 840.000 đồng + $1.524.600$ đồng = $85.854.600$ đồng. Do vậy, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị các tài sản này cho ông B và được quyền sở hữu, sử dụng đối với các tài sản này.

Phần đất bà H được chia có diện tích thực tế là $199,1\text{m}^2$ ($163,7\text{m}^2$ đất ở đô thị và $35,4\text{m}^2$ đất HLATĐB). Tổng giá trị đất theo định giá là: [$163,7\text{m}^2$ ODT x $4.550.000$ đồng] + [$35,4\text{m}^2$ HLATĐB x 292.000 đồng] = $744.835.000$ đồng + $10.336.800$ đồng = $755.171.800$ đồng.

Phần đất ông B được chia có diện tích $209,8\text{m}^2$ ($190,8\text{m}^2$ đất ở đô thị và 19m^2 đất HLATĐB) (trong $190,8\text{m}^2$ ODT thì có: $168,5\text{m}^2$ ODT nằm ngoài hành lang và $22,3\text{m}^2$ ODT nằm trong hành lang). Tổng giá trị đất theo định giá là: [$190,8\text{m}^2$ ODT x $4.550.000$ đồng] + [19m^2 HLATĐB x 292.000 đồng/ m^2] = $868.140.000$ đồng + $5.548.000$ đồng = $873.688.000$ đồng. Đối chiếu với kỷ phần ông B được hưởng thì ông B nhận giá trị tài sản nhiều hơn, cụ thể: $873.688.000$ đồng - $162.885.980$ đồng (giá trị mỗi kỷ phần tương ứng) - $325.771.960$ đồng (công sức) = $385.030.060$ đồng. Như vậy, ông B có nghĩa vụ hoàn giá trị chênh lệch cho bà H và ông B2.

Đối chiếu với kỷ phần bà H được nhận là $977.315.880$ đồng, nên ông B phải hoàn lại giá trị chênh lệch tương đương cho bà H là: $977.315.880$ đồng - $755.171.800$ đồng = $222.144.080$ đồng. Ông B hoàn cho ông B2 $162.885.980$ đồng.

Như vậy, sau khi đối trừ phần chênh lệch ông B phải hoàn cho bà H và phần giá trị tài sản (căn nhà $24,2\text{m}^2$ và sân xi măng diện tích 6m^2) mà bà H phải hoàn lại cho ông B, thì ông B có nghĩa vụ thanh toán cho bà H số tiền tương ứng là: $222.144.080$ đồng - $85.854.600$ đồng = $136.289.480$ đồng.

Tổng giá trị tài sản tương ứng mà ông B được nhận bao gồm kỷ phần thừa kế và công sức nuôi dưỡng là: 322.595.000 đồng + 162.885.980 đồng = 485.480.980 đồng.

Qua đo đạc thực tế thì diện tích thửa đất có tăng so với diện tích được cấp theo GCNQSDĐ (tăng 16,4m²). Xét tại thời điểm Tòa án phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Bến Cát và Công chức địa chính phường Tân Định để tiến hành đo đạc, thẩm định hiện trạng thì ranh giới giữa thửa đất này với các thửa đất liên ranh đã được phân định rõ bằng các trụ bê tông, không ai có ý kiến tranh chấp về ranh mốc thửa đất. Do vậy, các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành thủ tục đăng ký kê khai, xin cấp GCNQSDĐ các phần đất được chia (theo bản vẽ kèm theo của Bản án này).

Đối với phần ô văng có diện tích 3,5m² (0,5m x 7m) gắn liền với căn nhà của ông B xây (trên phần diện tích ông B được chia thừa kế), phần diện tích 3,5m² ô văng này bị lỗi, lấn sang phần không gian phía trên của phần đất bà H được chia. Tuy nhiên, xét việc tháo dỡ phần công trình này sẽ ảnh hưởng đến giá trị sử dụng căn nhà của ông B. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cũng không có ý kiến gì, đồng ý để phần ô văng này được tiếp tục tồn tại, nên HĐXX xét cần để phần diện tích ô văng này được tồn tại và ông B được quyền tiếp tục sử dụng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự nộp theo quy định của pháp luật tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế được nhận. Riêng ông B là người cao tuổi (trên 60 tuổi), bà H là con Liệt sĩ, nên được HĐXX xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản và sao lục hồ sơ: Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ chi phí, được khấu trừ vào tạm ứng đã nộp.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần (liên quan đến phần công sức của ông Nguyễn Văn B). Các ý kiến khác là không phù hợp, nên không được HĐXX chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa liên quan đến Bảng di chúc là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận. Xét ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để đưa thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thu thập thêm tài liệu, chứng cứ là không phù hợp, nên không được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 646; Điều 647; Điều 650; khoản 3 Điều 652; khoản 2 Điều

653; khoản 2 Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ các Điều: 612, 614, 618, 650, 651, 652 và 676 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H với bị đơn ông Nguyễn Văn B về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản” như sau:

1. Tuyên bố “Bảng di chúc (lập cho tài sản riêng bà T0)” được UBND xã Tân Định, huyện Bến Cát (nay là phường Tân Định, thị xã Bến Cát) chứng thực số 05, quyển số 01, TP/CC – SCT/HDGD ngày 01/9/2011 bị vô hiệu.

2. Chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T0 theo quy định pháp luật như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H được nhận kỷ phần thừa kế tương ứng giá trị là 977.315.880 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B được nhận kỷ phần thừa kế và công sức đóng góp tương ứng giá trị là 485.480.980 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B2 được nhận kỷ phần thừa kế tương ứng giá trị là 162.885.980 đồng.

3. Về nghĩa vụ hoàn giá trị chênh lệch:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ hoàn lại cho các đương sự: Bà Nguyễn Thị Thúy H số tiền là 136.289.480 đồng; ông Nguyễn Văn B2 số tiền là 162.885.980 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Bị đơn ông Nguyễn Văn B được quyền sử dụng và được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 209,8m² (gồm có: 190,8m² đất ở đô thị và 19m² đất HLATĐB), thuộc một phần thửa số 581, tờ bản đồ số 17, tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (ký hiệu B). Trên phần đất này có các tài sản của ông B gồm: 01 căn nhà cấp 4 (diện tích 111,9m²), sân lát gạch (diện tích 71,64m²), sân xi măng (diện tích 11,64m²), hàng rào lưới B40 trụ bê tông có diện tích 8,64m² (5,64m x 1,5m) và 01 bể nước (thể tích 1,92m³).

Ông Nguyễn Văn B được quyền tiếp tục sử dụng phần ô văng có diện tích $3,5\text{m}^2$ ($0,5\text{m} \times 7\text{m}$) gắn liền với căn nhà cấp 4 của ông B (phần ô văng này tồn tại trên phần không gian phía trên thuộc một phần của khu đất bà Nguyễn Thị Thúy H được giao quản lý, sử dụng).

5. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H được quyền sử dụng và được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích $199,1\text{m}^2$ (gồm có: $163,7\text{m}^2$ đất ở đô thị và $35,4\text{m}^2$ đất HŁATĐB), thuộc một phần thửa số 581, tờ bản đồ số 17, tại phường Tân Định, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (ký hiệu A). Bà H được quyền sở hữu, sử dụng đối với các tài sản trên phần đất này gồm: 01 căn nhà cấp 4 (diện tích $24,2\text{m}^2$); 01 sân xi măng (diện tích 6m^2) và hàng rào lưới B40 trụ bê tông có diện tích $7,26\text{m}^2$ ($4,84\text{m} \times 1,5\text{m}$).

Đối với 01 căn nhà tình nghĩa (diện tích đo đạc thực tế là $31,1\text{m}^2$) thì bà Nguyễn Thị Thúy H được quyền sử dụng căn nhà này. Việc quản lý, sử dụng nhà tình nghĩa phải tuân thủ theo nội dung của Quyết định số 292/QĐ-UB ngày 04/8/2000 của UBND huyện (nay là thị xã) Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Kiến nghị UBND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương và các cơ quan liên quan tiến hành thu hồi đối với GCNQSDĐ đã cấp cho bà Nguyễn Thị T0, với số phát hành AM 555615, sổ vào sổ H03742 ngày 29/4/2008, và cấp lại GCNQSDĐ cho các đương sự cho phù hợp với hiện trạng, hình thể và diện tích thực tế đang sử dụng.

(Có sơ đồ ký hiệu chi tiết kèm theo Bản án).

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H được miễn nộp. Chi cục THADS thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương hoàn lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H 1.250.000 đồng theo Biên lai số 048462 ngày 19/11/2021 và 300.000 đồng theo Biên lai số 0005409 ngày 16/6/2022.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn B được miễn nộp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B2 phải nộp số tiền 8.144.299 đồng.

III. Chi phí đo đạc, định giá tài sản và sao lục hồ sơ: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H đã nộp tạm ứng số tiền 4.000.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng.

IV. Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Tùng

Lê Thành Tâm

Vũ Phước Thành

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Phước Thành